

SOME ISSUES ABOUT THE CHANGE OF MATERIAL CULTURE OF THE TAY PEOPLE IN EASTERN LANG SON TODAY

Dam Thi Uyen¹, Nguyen Thi Thao^{2*}

¹Thai Nguyen University

²Chi Dong Middle School, Me Linh, Ha Noi

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	18/5/2023	Through a long development process, the Tay people in eastern Lang Son have built for themselves a rich culture both materially and spiritually. But now, many cultural values are undergoing profound changes in the context of industrialization, modernization and international integration. This study aims to clarify some issues about the change of material culture of the Tay people in eastern Lang Son, and give reasons for the change. With the use of historical method, logical method combined with ethnographic field method, the research results show that the change of material culture of the Tay people in eastern Lang Son have both value and countervalue, outdated customs which have two-way impact on the preservation and development of culture. On that basis, the study also pointed out the subjective and objective causes leading to this change. The results of the study confirm that cultural synchronicity of the Tay people is a direct important content of the preservation and development of ethnic minority culture in particular, Vietnamese national culture in general.
Revised:	15/6/2023	
Published:	15/6/2023	
KEYWORDS		
Change		
Cause		
Material culture		
Tay people		
Eastern Lang Son		

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA VẬT THỂ CỦA NGƯỜI TÀY Ở MIỀN ĐÔNG LẠNG SƠN HIỆN NAY

Đàm Thị Uyên¹, Nguyễn Thị Thảo^{2*}

¹Đại học Thái Nguyên

²Trường THCS Chi Đông, Mê Linh, Hà Nội

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	18/5/2023	Trải qua quá trình phát triển lâu dài, người Tày ở miền đông Lạng Sơn đã tạo dựng cho mình một nền văn hóa phong phú cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhưng hiện nay, nhiều giá trị văn hóa đang có sự biến đổi sâu sắc trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ một số vấn đề về biến đổi văn hóa vật thể của người Tày ở miền đông Lạng Sơn, đồng thời chỉ rõ nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi đó. Với việc sử dụng phương pháp lịch sử, phương pháp logic kết hợp với phương pháp điền dã dân tộc học, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sự biến đổi của văn hóa người Tày ở miền đông Lạng Sơn vừa có những giá trị, vừa có những phản giá trị, hủ tục lạc hậu tác động hai chiều đến bảo tồn, phát triển văn hóa. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng chỉ rõ những nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan dẫn đến sự biến đổi này. Kết quả của nghiên cứu góp phần khẳng định rằng, đồng bộ văn hóa của người Tày là nội dung quan trọng trực tiếp của bảo tồn, phát triển văn hóa tộc người thiểu số nói riêng, nền văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung.
Ngày hoàn thiện:	15/6/2023	
Ngày đăng:	15/6/2023	
TỪ KHÓA		
Biến đổi		
Nguyên nhân		
Văn hóa vật thể		
Người Tày		
Miền đông Lạng Sơn		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7968>

* Corresponding author. Email: nguyenthithaospls@gmail.com

1. Giới thiệu

Dân tộc Tày thuộc nhóm dân tộc thiểu số, tuy nhiên đây là dân tộc có số lượng đông đảo (đứng thứ hai sau dân tộc Kinh), là cư dân bản địa sinh sống lâu đời trên đất nước Việt Nam. “Người Tày được khẳng định là một trong những chủ nhân đầu tiên của nước Việt cổ, đã hợp nhất với người Việt lập nên nhà nước Âu Lạc, nhà nước đầu tiên ở Việt Nam” [1]. Trong quá trình tồn tại và phát triển, gắn liền với các thời kì lịch sử của đất nước, người Tày đã sáng tạo ra những giá trị văn hóa đặc sắc, mang đậm tính chất riêng biệt của mình, đồng thời cũng hòa chung vào nền văn hóa của dân tộc, là một mảnh văn hóa trong tổng thể văn hóa Việt.

Dân tộc Tày phân bố chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam, đông nhất là ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên... Từ nhiều năm qua, nghiên cứu về văn hóa của người Tày ở nhiều địa phương khác nhau luôn thu hút sự chú ý của nhiều nhà khoa học. Tuy nhiên, cho đến nay, các nghiên cứu vẫn chủ yếu tập trung tìm hiểu về các yếu tố liên quan đến văn hóa tinh thần của người Tày như tín ngưỡng [2] - [4]; phong tục tập quán [5] - [7]; quan hệ hôn nhân, dòng họ [8], [9]... Ngoài ra, trong nghiên cứu của tác giả Lương Thị Hạnh [10], sự giao thoa văn hóa giữa các tộc người Tày, Nùng, Kinh ở Bắc Kạn đã được tác giả tập trung làm rõ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, xét về mặt dân tộc học, dù có ảnh hưởng về nhân chủng, văn hoá của người Việt, người Hoa và các tộc người khác đi chăng nữa thì bản sắc Tày vẫn là yếu tố quán xuyên. Văn hoá Tày vẫn là một thành phần quan trọng tạo nên những đặc trưng văn hoá riêng của dân tộc Tày. Ở một nghiên cứu khác, một cái nhìn tổng quan về những biến đổi của dân tộc Tày đã được tác giả Nguyễn Thị Thanh Bình nhìn nhận khá rõ ràng và đầy đủ. Các nội dung tổng quan về nhà ở, trang phục đến tổ chức làng bản... của người Tày đã được tác giả khái quát và đề cập đến trong nghiên cứu này [11]. Bên cạnh đó, trong nghiên cứu về người Tày ở huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, tác giả Nguyễn Thanh Thủy đã góp phần khẳng định, văn hóa Tày là một trong những yếu tố văn hóa đặc trưng của vùng Việt Bắc trước đây nói chung. Văn hóa, truyền thống dân tộc Tày luôn vận động, biến đổi, phát triển. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, người Tày đã tạo dựng cho mình một nền văn hóa phong phú cả về vật chất lẫn tinh thần [12].

Ở các huyện miền đông Lạng Sơn bao gồm Lộc Bình, Văn Lãng, Cao Lộc, người Tày cũng có số lượng đông đảo, đứng thứ hai sau người Nùng, chiếm 35,3%. Họ sống hòa hợp, xem kẽ với các dân tộc khác như người Kinh, Dao, Hoa, Sán Chay, Mông... [13]. Sự đa dạng về thành phần dân tộc đã tạo nên sắc thái văn hóa địa phương đa dạng và phong phú. Trong đó, văn hóa vật thể của người Tày là thành tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa tộc người của địa phương này. Trên cơ sở tiếp thu và kế thừa các công trình nghiên cứu đi trước, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ một số vấn đề về biến đổi văn hóa vật thể của người Tày ở miền đông Lạng Sơn. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ rõ nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi văn hóa vật thể của vùng đất này. Kết quả của nghiên cứu góp phần khẳng định rằng, đồng bộ văn hóa của người Tày là nội dung quan trọng trực tiếp của bảo tồn, phát triển văn hóa tộc người thiểu số nói riêng, nền văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ một số vấn đề về biến đổi văn hóa vật thể của người Tày ở miền đông Lạng Sơn, nghiên cứu sử dụng hai phương pháp lịch sử và phương pháp logic nhằm khái quát một cách có hệ thống vấn đề cần nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học nhằm làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Thông qua phương pháp này, tác giả có thể quan sát, phỏng vấn và ghi chép về những gì đang diễn ra trong đời sống vật chất của người Tày, làm cơ sở cho việc thực hiện nghiên cứu này.

3. Kết quả nghiên cứu

Theo Khoản 2 Điều 4 của Luật Di sản văn hóa 2001, văn hóa vật thể được định nghĩa là sản phẩm vật chất mang giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học [14]. Văn hóa vật thể bao gồm: di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia... Trong phạm vi bài viết này,

chúng tôi xin trình bày một số biến đổi về nhà cửa, trang phục, ẩm thực của người Tày ở miền đông tỉnh Lạng Sơn.

3.1. Biến đổi về văn hóa vật thể

3.1.1. Nhà ở

Luật nhà ở 2014 quy định: Nhà ở là công trình xây dựng với mục đích để ở và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân [15].

Người Tày, Nùng các huyện miền đông tỉnh Lạng Sơn có 03 kiểu nhà truyền thống là nhà sàn, nhà đất và nhà nửa sàn nửa đất. “Người Tày có 02 kiểu nhà sàn là nhà sàn 02 mái và nhà sàn 04 mái. Kiểu hình nhà sàn 02 mái thường gặp ở huyện Văn Lãng và nhà sàn 04 mái phổ biến ở các huyện Cao Lộc, Lộc Bình. Kết cấu nhà sàn 04 mái phức tạp hơn nhà sàn 02 mái” [16, tr. 44, 45]. Điều này thể hiện rất rõ kết cấu vì đầu hồi, các vì kèo, cột trong bộ sườn của các ngôi nhà. Bộ sườn của nhà sàn người Tày, Nùng có nhiều kiểu vì kèo khác nhau: Kiểu vì bốn hàng cột, kiểu năm hàng cột, kiểu sáu hàng cột và nhiều nhất là bảy hàng cột. Kiểu vì bốn hàng cột gồm có bốn cột chính và một trụ ngắn ở chính giữa chống vào nóc. Xen giữa hai cột lại có một hay hai trụ ngắn hình quả bí (nghe qua). Một số nơi còn có thêm hai trụ ngắn gọi là chống kèo đứng trên xà con, nối hai cột cái với cột con. Kiểu vì sáu hàng cột về cơ bản không khác kiểu bốn hàng cột mà chỉ thêm hai cột con ở ngoài cùng. Với kiểu vì này, có thể có hoặc không có chống kèo và xà con tùy thuộc vào ý thích của đồng bào mỗi vùng. Bởi vậy, các trụ hình quả bí xen giữa các cột chính có thể bỏ bớt. Kiểu vì bảy hàng cột của người Tày là kiểu vì hoàn thiện và mẫu mực. Ở đây, thường thấy một hoặc hai trụ ngắn hình quả bí đứng trên xà ngang, có tác dụng chống kèo.

Điểm chung của nhà sàn khu vực các huyện miền đông tỉnh Lạng Sơn khác với các huyện khác là cột thường chôn thẳng xuống đất chứ không kê đá. Việc giảm bớt số lượng vì kèo càng thấy rõ qua từng thời kì phát triển, biến đổi sau này. Việc giảm số lượng cột nhằm tạo không gian thông thoáng cho ngôi nhà.

Trước khi làm nhà, đồng bào có tập quán xem hướng đất và hướng nhà. Tùy theo từng cung mệnh của gia chủ mà đồng bào chọn hướng nhà khác nhau. Tuy nhiên, điểm chung trong việc chọn hướng nhà của đồng bào là thường hướng về phía cánh đồng rộng để tạo sự thoáng đãng tầm mắt. Việc lựa chọn thời điểm làm nhà cũng phụ thuộc vào tuổi của người đàn ông chủ gia đình. Khi có ý định làm nhà, đồng bào sẽ tìm đến thầy tào hoặc thầy mo để xem ngày giờ và quyết định việc dựng nhà. Những năm tốt và hợp với tuổi chủ nhà được căn cứ theo sách mệnh và lục thập hoa giáp. Nếu tuổi chủ nhà và năm không hợp thì đồng bào thường dừng việc dựng nhà cho đến thời điểm thích hợp. Trong trường hợp cần phải làm nhà trong năm xung tuổi thì đồng bào sẽ mượn tuổi của người thân trong gia đình để làm lễ khởi công và đặt nóc nhà. Theo quan niệm của đồng bào thì đất nền để dựng nhà cần phải được san phẳng và thật bằng. Đồng bào cho rằng nếu nền đất mà không cân bằng và nhiều đá sỏi lởm khóm thì sẽ khiến nội bộ gia đình bất hoà, lục đục.

Đối với mỗi ngôi nhà, cửa ra vào có thể mở ở hướng trước nhà hoặc đầu hồi. Trong đó, nhà sàn thường mở cửa chính ở đầu hồi và nhà đất, nhà nửa sàn nửa đất lại được mở cửa chính ở phía trước. Đối với nhà sàn, cửa chính là nơi thường đặt cầu thang lên xuống, cửa phụ là nơi vào bếp hay ra sân. Cầu thang lên xuống được làm bằng tre, gỗ hoặc bằng đá xanh. “Bậc cầu thang bao giờ cũng được làm theo số lẻ 3,5,7 hoặc 9 tùy theo độ cao của sàn nhà. Sở dĩ bậc cầu thang lại là số lẻ vì đồng bào quan niệm số bậc thang lẻ là của người sống còn số bậc thang chẵn là của thần linh, ma quỷ” [17, tr. 75].

Trong ngôi nhà sàn, tùy theo tập quán của từng địa phương cụ thể có thể chia làm hai phần theo chiều ngang hoặc chiều dọc nếu tính từ cửa chính. Trong đó, nhà sàn ở các huyện miền đông tỉnh Lạng Sơn chủ yếu được thiết kế theo chiều dọc. Bàn thờ gia tiên được đặt ở gian cuối đầu hồi và hướng ra cửa chính. Các gian buồng của gia đình được bố trí dọc theo 02 bên bàn thờ. Đồng bào thường chia diện tích buồng ngủ theo không gian giữa các cột nhà. Trước đây, bếp lửa được đặt ở gian gần phía cửa. Ngày nay, đồng bào đa phần đều dựng thêm một gian nhà để đặt bếp và làm kho đựng thóc lúa, nông phẩm. Bếp lửa nhà sàn không đơn thuần chỉ là nơi nấu ăn và sưởi ấm mà còn có vai trò gắn kết các thành viên trong gia đình.

Vật liệu công nghiệp đang đi vào cuộc sống của đồng bào và được đồng bào chấp nhận, sử dụng như một văn hóa mới như xi măng, sắt, thép, tôn, nhôm, kính... trong việc xây nhà. Mong muốn làm nhà sàn hiện đại là một trong những xu hướng phổ biến của dân tộc Tày. Nguyên vật liệu đã được thay thế như mái ngói, mái pro xi măng thay cho mái tranh, mái lá, sàn bê tông thay cho sàn gỗ, sàn tre, cột bê tông thay cho cột gỗ. Điều này làm cho ngôi nhà được lâu bền hơn và cũng phù hợp với điều kiện tài nguyên rừng ngày càng khan hiếm. Tuy nhiên, xu hướng làm dạng cột vuông đã làm thay đổi cơ bản kiểu dáng kiến trúc nhà truyền thống, việc sử dụng cấu kiện bê tông mô phỏng cấu kiện gỗ chưa được xử lý tốt. Mặt khác, một hạn chế trong sự biến đổi nhà ở của người Tày ở miền đông Lạng Sơn là xu hướng tận dụng không gian tầng trệt để sinh hoạt giống như nhà của người Kinh khiến cho ngôi nhà không còn mang bản sắc của nhà sàn người Tày nữa. Những biến đổi tích cực và tiêu cực như vậy hiện đang diễn ra tự phát cùng với trình độ của người dân, sự hiểu biết về vật liệu mới hạn chế thì sự chuyển hóa trong ngôi nhà sao cho vừa kế thừa các giá trị truyền thống vừa tạo không gian ở thích ứng với điều kiện sống mới là thách thức lớn.

3.1.2. Tổ chức làng bản

Trong xã hội Việt Nam truyền thống thì làng là tế bào, là đơn vị cơ sở cấu thành nên nước. Ở từng địa phương và từng dân tộc mà làng có những tên gọi khác nhau, mang những sắc thái khác nhau. Ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, đồng bào thường gọi vùng đất quê hương, nơi sinh tụ của mình là bản làng. Theo Từ điển Tiếng Việt, bản là “đơn vị dân cư nhỏ nhất ở một số vùng dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam, nó tương đương với làng” [18, tr.30]. Khái niệm “làng như một đơn vị tụ cư, đơn vị kinh tế, đơn vị tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa cộng đồng, đơn vị hành chính cấp cơ sở” [18, tr.48]. Như vậy, có thể coi làng bản là một tổ chức xã hội cơ bản dựa trên sự cộng đồng về lãnh thổ, dân cư, xã hội và văn hóa.

Người Tày chủ yếu sống trong các bản cạnh sông suối hay các thung lũng. “Quy mô các bản Tày vừa và nhỏ, mỗi bản thường chỉ có khoảng 30-60 hộ gia đình” [19, tr. 82]. Trong bản đều có nhiều dòng họ cùng chung sống và quan hệ láng giềng được coi là quan hệ chủ đạo. Mỗi bản thường có nhiều chòm xóm nhỏ, phân bố tương đối biệt lập, nhưng đều hướng ra cánh đồng hoặc con đường cái chạy qua.

Trong mỗi bản có những họ là gốc Tày cổ, nhưng cũng có những họ là gốc Kinh bị Tày hóa. Đặc biệt, từ sau những năm 60 của thế kỉ XX, thực hiện chủ trương xây dựng kinh tế mới của Đảng và Nhà nước, đã có sự biến đổi trong thành phần dân cư của các thôn, bản. Tổ chức đời sống cộng đồng tiếp tục có nhiều đổi khác so với trước kia. Việc thay đổi cơ chế quản lý hành chính đã tạo nên nhiều thay đổi trong xã hội Tày. Tổ chức xã hội Tày tiếp tục phát triển theo xu hướng thống nhất với tổ chức bộ máy hành chính của Nhà nước, thống nhất quyền lực với Nhà nước. Xã là cấp chính quyền cơ sở, dưới xã là các thôn, đứng đầu là các trưởng thôn, trưởng bản, chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội của thôn bản đó.

Hiện nay, hầu hết các thôn, bản gần trung tâm xã hoặc gần trục giao thông đều có sự xen cư giữa người Tày với người Kinh, thậm chí, trong cùng một bản có người Tày, Kinh và Dao cư trú. Thông qua lao động sản xuất, sinh hoạt văn hóa tinh thần, mọi thành viên trong bản dù đồng tộc hay khác tộc đều đoàn kết với nhau.

Điều dễ nhận thấy nhất là làng bản của người Tày hiện nay có nhiều biến đổi tích cực trên tất cả các mặt: điện, đường, trường, trạm đầy đủ, tạo điều kiện cho kinh tế - văn hóa - xã hội phát triển. Làng bản ngày càng đông đúc hơn. Đời sống vật chất của người dân ngày càng khởi sắc hơn.

3.1.3. Trang phục

3.1.3.1. Trang phục phụ nữ

Nữ phục Tày Lạng Sơn có 02 loại là áo dài (sli) và áo ngắn (sli còm/ sli tẩn) mặc với quần chân què hoặc quần lụa.

Áo dài (sli): Áo dài nữ giới Tày là loại áo 5 thân và được cắt may từ vải bông nhuộm chàm. Trong đó, thân thứ năm được giấu vào bên trong và được gọi là tèo lỵ. Đặc điểm của áo

dài nữ Tày là phần cổ tay nhỏ và vạt áo dài quá gối. Áo dài nữ được xẻ chéo về hướng ngực bên phải và có 04 hàng khuy đơn. Cúc áo dài được tết bằng vải hoặc đúc bằng đồng. Đặc điểm khuy, cúc của áo dài dân tộc Tày là kích thước khá nhỏ nên khi cài khuy phải rất cẩn thận. Chiếc thắt lưng (lầm slặng/ tèo slặng) của nữ giới Tày Lạng Sơn thường dài 03 sải tay (khoảng 2 đến 2.5 m) và cũng thường được làm từ vải chàm. Một số gia đình quyền quý còn sử dụng loại thắt lưng bằng vải nhiễu hoặc tơ tằm nhuộm chàm. Cách thắt lưng truyền thống của nữ giới Tày là quấn 2 vòng quanh người rồi buông thõng hai đầu thắt lưng về phía đằng sau. Để làm duyên, các cô gái Tày còn giắt thêm chiếc khăn tay vào thắt lưng phía bên phải. Bên cạnh áo dài bằng vải bông nhuộm chàm thì các cô gái Tày thuộc những gia đình giàu sang, phú quý còn có cả loại áo dài được may từ lụa tơ tằm với các màu đỏ, hồng (sừa đeng, sửa đào). Ngoài ra, nữ giới Tày còn có loại áo chàm dài được may lót bên trong một lớp lụa sang trọng.

Áo ngắn (sừa còm): Áo ngắn nữ giới Tày thường có 4 thân (áo bà ba). Loại áo này thường được đồng bào mặc khi ở nhà để tiện cho sinh hoạt. Ngày nay, loại áo này trở nên phổ biến hơn áo dài. Áo ngắn được cắt may từ nhiều loại vải khác nhau như diêm bầu, vải dũi, vải lụa,... Loại áo này có ống tay dài, hẹp xẻ ngực và thường được đính 5 hoặc 7 cúc. Cúc áo ngắn của nữ giới Tày thường là cúc bấm hoặc các loại cúc nhựa. Trước đây khi chưa có các loại cúc này thì đồng bào cũng dùng cúc đồng hoặc cúc tết bằng vải. Chiếc áo ngắn cũng được dùng để làm áo lót mặc bên trong áo dài. Vào mùa đông giá rét, người Tày thường mặc nhiều lớp áo mỏng để giữ ấm và khoác bên ngoài một chiếc áo bông ngắn có nhồi bông của cây gạo (mạy nghịu). Loại áo bông này ngày nay vẫn được các cụ già người Tày ưa chuộng.

Quần: Nữ giới Tày trước đây sử dụng loại quần chân què có ống rộng và dài đến mắt cá chân. Loại quần chân què được cắt may chủ yếu bằng vải chàm.

Vấn tóc: Khi con gái Tày đến tuổi trưởng thành thì sẽ được các bà, các mẹ dạy cách vấn tóc. Bộ vấn tóc của nữ giới Tày giống với nữ giới người Kinh, cũng gồm có chiếc độn tóc (lục choong) và khăn phủ bên ngoài. Đồng bào thường vấn khăn từ bên phải sang bên trái. Điểm khác biệt giữa cách vấn tóc của người Tày với người Kinh là phần gốc tóc của nữ giới Tày bao giờ cũng cao hơn nữ giới Kinh. Thiếu nữ Tày còn buộc thêm dây ngũ sắc có các tua rua vào phần gốc tóc. Chiếc khăn phủ ngoài độn tóc có màu đen và được làm từ vải bông nhuộm chàm. Đối với những gia đình đang chịu tang thì chiếc khăn này được để nguyên màu trắng. Ngoài ra, đồng bào Tày còn có chiếc khăn vuông để thắt bên ngoài bộ vấn tóc.

3.1.3.2. Trang phục nam giới

Nam giới Tày cũng có hai loại áo là áo ngắn 4 thân và áo dài 5 thân. Loại áo ngắn thường phổ biến hơn loại áo dài. Áo ngắn nam giới Tày là loại áo được xẻ tà trước ngực và có đính 05 hàng cúc. Số lượng hàng cúc cũng là tiêu chí để phân biệt giữa áo nam giới Tày (05 cúc) với áo nam giới Nùng (07 cúc). Cúc áo nam giới Tày là loại cúc được tết bằng vải. Áo ngắn của nam giới Tày thường có 2 hoặc 3 chiếc túi đính ở 2 bên hàng cúc. Đi kèm với áo ngắn là chiếc chân què (khoá kha kỳ), loại quần này có ống rất rộng nên tạo cảm giác thoải mái khi lao động.

Áo dài được nam giới Tày sử dụng trong những dịp lễ trọng đại như đám cưới, lễ hội,... Loại áo này phổ biến ở tầng lớp thượng lưu, nho học và các thầy cúng tâm linh. Áo dài truyền thống của nam giới Tày là loại áo 5 thân, thường dài đến đầu gối và mặc với chiếc quần màu trắng. Chiếc quần này có thiết kế giống với loại quần chun ngày nay chứ không phải kiểu quần chân què. Đi kèm với áo dài nam là chiếc khăn xếp được làm bằng vải chàm và quần nhiều lớp trên đầu.

3.1.3.3. Trang phục trẻ em

Trang phục trẻ em người Tày thường đơn giản, gọn gàng phù hợp với tính nghịch ngợm của trẻ. Kiểu trang phục trẻ em truyền thống là áo ngắn (sừa còm) và quần chân què (khoá kha kỳ). Đối với bé gái, chỉ khi đã dậy thì (khoảng 13 tuổi) thì mới mặc áo dài và vấn tóc như các mẹ, các chị. Do vậy, nên việc nhiều nhà làm phim cho các bé gái người Tày mặc áo dài và vấn tóc là không đúng với truyền thống. Đối với bé trai thì trang phục khi trưởng thành cũng không khác

hiều về kiểu dáng so với trang phục khi còn nhỏ. Đối với những em nhỏ dưới 1 tuổi, đồng bào thường đeo cho bé thêm chiếc yếm để thấm dãi dốt. Điểm nhấn trong trang phục trẻ em người Tày là chiếc mũ nhiều màu sắc và đính những đồng bạc Đông Dương nhỏ trên chóp.

Hiện nay, trẻ em, thanh niên người Tày ở miền đông Lạng Sơn không còn quan tâm nhiều tới trang phục truyền thống của dân tộc mình, họ có xu hướng ưa chuộng những phong cách ăn mặc mới, được du nhập từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Họ cho biết, họ thấy trang phục của dân tộc mình đẹp nhưng chỉ phù hợp với ông bà, bố mẹ. Còn bản thân họ thích mặc trang phục phổ thông hiện đại hơn. Điều đó cho thấy việc trang phục truyền thống biến đổi theo xu hướng hiện đại hóa là một điều tất yếu, phù hợp với thực tế phát triển của tộc người trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

3.1.3.4. Trang phục người già

Về cơ bản, trang phục người già dân tộc Tày không khác so với trang phục của đối tượng thanh niên và trung niên. Người Tày ưa dùng các loại trang sức được làm bằng bạc như vòng cổ, xà tích, vòng tay, vòng chân, nhẫn và hoa tai. Đồng bào đeo trang sức không phải chỉ để tạo sự duyên dáng, sang trọng mà còn nhằm bảo vệ sức khỏe và thực hành những quan niệm về tâm linh, tính ngưỡng.

Dưới tác động của sự phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội, việc bảo tồn, phát triển văn hóa Tày, trong đó có bộ trang phục của người phụ nữ Tày gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, các thiếu nữ Tày ít khi mặc những trang phục của dân tộc mình. Mặt khác, bộ váy Tày ngày nay cũng có những cách tân để phù hợp hơn những xu hướng mặc hiện đại. Theo đó, nhiều trang phục Tày được may từ vải công nghiệp với nhiều màu sắc đa dạng, và thường được mang đến các tiệm cắt may chứ không phải tự cắt, tự khâu như trước kia nữa. Hiện nay, các y phục truyền thống chỉ phổ biến ở các xã vùng sâu và chỉ còn những người già trong làng xã còn giữ lại được những thói quen mặc quần áo truyền thống.

3.1.3.5. Sự biến đổi

Nhìn chung, do sinh sống ở khu vực có nhiều điều kiện thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hóa với các tộc người trong vùng và cư dân ở bên kia biên giới, việc tiếp xúc, giao thoa văn hóa khiến cho họ có sự thay đổi trong thẩm mỹ, thị hiếu. Từ đó dẫn đến sự thay đổi trong việc lựa chọn màu sắc, chất liệu vải may cũng như cách thức sử dụng trang phục của hai tộc người này. Hiện tại, trang phục của người Tày ở miền đông Lạng Sơn có nhiều màu sắc phong phú, rực rỡ; chất liệu vải may đa dạng, phù hợp với môi trường, khí hậu khác nhau,... Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, hệ thống truyền thông và công nghệ thông tin ngày càng phát triển. Người Tày ở miền đông Lạng Sơn ngày càng có nhiều cơ hội tìm hiểu, tiếp xúc với những nguồn thông tin về các tộc người, các nền văn hóa khác qua tivi, điện thoại,... Điều này cũng góp phần không nhỏ làm thay đổi nhận thức, thẩm mỹ cũng như cách ăn mặc của họ. Có thể thấy, sự biến đổi này phù hợp với xu thế biến đổi chung của xã hội trong tiến trình phát triển. Bên cạnh đó, nguyên vật liệu để may trang phục của người Tày ở miền đông Lạng Sơn cũng thay đổi. Điều này thể hiện qua việc sử dụng nhiều loại vải mới với chất liệu phong phú, phù hợp với những điều kiện thời tiết khác nhau. Họ còn có sự thay đổi trong cách thức sử dụng trang phục truyền thống, chuyển sang sử dụng những bộ trang phục được may sẵn với hoa văn in sẵn trên vải, bán phổ biến ở chợ. Những bộ trang phục này vừa giữ những hoa văn, kiểu dáng của bộ trang phục truyền thống lại vừa tiện lợi, nhiều màu sắc, kích cỡ, được may sẵn, có giá thành rẻ, phù hợp với điều kiện kinh tế của đồng bào. Ngoài ra, các loại vải công nghiệp cũng như các loại phụ kiện bán sẵn ở chợ để cắt may trang phục mô phỏng truyền thống cũng được người dân sử dụng phổ biến bởi sự tiện lợi và phong phú của những sản phẩm này. Rõ ràng, người Tày ở miền đông Lạng Sơn đã lựa chọn những đặc điểm phù hợp với điều kiện sống, lao động và thẩm mỹ của tộc người mình để có những thay đổi trong trang phục. Trong thời gian tới, xu hướng này sẽ vẫn tiếp tục phát triển trong sự biến đổi trang phục của người Tày ở miền đông Lạng Sơn.

3.1.4. Văn hóa ẩm thực

Nguồn lương thực thực phẩm chính của người Tày là những sản phẩm thu được từ hoạt động sản xuất kinh tế của cư dân sống trong vùng sinh thái thung lũng, có rừng và sông suối bao quanh.

Đó là các loại gạo và các loại màu như ngô, khoai, sắn, đỗ,... các loại rau quả do trồng và thu hái trong rừng; các loại thủy sản như cá, tôm, cua,... do đồng bào nuôi hoặc thu lượm. Từ các nguồn lương thực, thực phẩm trên, cơ cấu dinh dưỡng và bữa ăn hàng ngày chủ yếu cơm - rau - thịt - cá. Do chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên khí hậu Lạng Sơn có một mùa đông lạnh. Do vậy, trong phương thức chế biến món ăn, đồng bào thường sử dụng nhiều dầu mỡ và chất đậm.

Trong đời sống thường ngày, đồng bào Tày thường ăn 02 bữa chính là ăn trưa (kin ngài) và ăn tối (kin piâu). Trước khi đi làm, đồng bào ăn một bữa phụ gọi là kin lèng. Trong những đêm phải thức khuya làm việc, đồng bào còn có bữa ăn khuya (kin slíu dề). Những món ăn phổ biến trong bữa cơm thường ngày của gia đình là cơm - rau - thịt - canh được chế biến một cách đơn giản, nhanh chóng. Trong những bữa tiệc đãi khách, đồng bào có những món ăn cầu kỳ như lợn quay, gà xào nấm hương,... Ngoài ra, đồng bào Tày có những món bánh nổi tiếng như bánh ngải, bánh gio, bánh cuốn, bánh chưng đen, khâu sli, bánh phồng...

Nền kinh tế thị trường phát triển đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa ẩm thực của người Tày ở miền đông Lạng Sơn. Nhờ có sự tăng cường thương mại, việc làm mà đời sống của người dân đã được cải thiện với những bữa ăn có nhiều dinh dưỡng từ thịt, cá, trứng... thay vì chỉ có cơm, cháo, rau luộc ăn với mắm, muối như trước đây. Quan trọng hơn là các món ăn mang sắc thái riêng của đồng bào vẫn còn duy trì và bổ sung thêm món ăn mới của người Kinh, người Trung Quốc vào mâm cỗ trong các ngày lễ được phong phú, mang tính hiện đại hơn. Ẩm thực của người Tày ở miền đông Lạng Sơn chịu ảnh hưởng khá lớn từ văn hóa ẩm thực của người Kinh. Không chỉ trong bữa ăn hằng ngày, mà đặc biệt trong các ngày lễ lớn như tết Nguyên Đán, đám tang, đám cưới, lên nhà mới, đầy tháng, mừng thọ..., mâm cỗ của người Tày ở miền đông Lạng Sơn ngoài các món truyền thống còn có nem rán, giò, chả, tôm chiên,... Đây là các món ăn mà người dân học được của người Kinh ở khu vực thị trấn huyện trong quá trình cộng cư, hay thanh niên người Tày ở miền đông Lạng Sơn đã đi làm công nhân ở các tỉnh khác học được nên về làm theo. Họ cũng thích uống các loại nước ngọt đóng chai, bia, nước tăng lực...

Bên cạnh một số món ăn của người Kinh, trong văn hóa ẩm thực của người Tày ở miền đông Lạng Sơn hiện nay xuất hiện một số món ăn của người Trung Quốc như cá sốt với sả, ớt, xì dầu hay một số món ăn liên quan nhiều đến dầu, mỡ như các món rau xào, thịt lợn xào, nấu canh xương với khoai..., và xu hướng thích ăn nhiều thịt mỡ hơn. Món ăn người Tày ở miền đông Lạng Sơn học được và yêu thích nhất từ người Trung Quốc là món lẩu. Ngoài các món ăn, người Tày ở miền đông Lạng Sơn còn thường xuyên sử dụng các loại gia vị của Trung Quốc để nấu ăn như xì dầu, tương cay hay gia vị thuốc bắc. Bên cạnh đó, người Tày ở miền đông Lạng Sơn còn thích ăn các loại mì tôm của Trung Quốc do giá thành rẻ hơn và có vị khác so với mì Việt Nam sản xuất.

3.2. Nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi văn hóa vật thể dân tộc Tày ở miền đông Lạng Sơn

3.2.1. Yếu tố khách quan

Một là, sự thay đổi môi trường tự nhiên tác động đến bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa

Môi trường tự nhiên, xã hội không chỉ là môi trường sống mà còn là nơi những giá trị văn hóa hay bản sắc văn hóa dân tộc hình thành, tồn tại, phát triển. Văn hóa truyền thống các tộc người Việt Nam nói chung, văn hóa truyền thống của dân tộc Tày ở miền đông Lạng Sơn nói riêng, là sự ứng xử vừa thích ứng, hài hòa với tự nhiên, vừa chinh phục, cải tạo tự nhiên; vừa để thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần, vừa để cảm thụ cái hay, cái đẹp từ thiên nhiên và phát triển văn hóa ứng xử với thiên nhiên.

Môi trường tự nhiên là môi trường sinh sống sáng tạo văn hóa của các tộc người. Các giá trị văn hóa truyền thống giàu bản sắc, đa dạng và phong phú của các tộc người thiểu số trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số là biểu hiện sinh động kết quả nhận thức, tư duy, tình cảm, tâm hồn,... của con người về thế giới tự nhiên. Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, các giá trị văn hóa vật thể của người Tày ở miền đông Lạng Sơn đã và đang chịu những tác động toàn diện.

Hai là, tác động của chính sách phát triển kinh tế, xã hội

Những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước đã tác động sâu sắc tới diện mạo kinh tế, xã hội, văn hóa của đồng bào Tày ở miền đông Lạng Sơn, hỗ trợ phát triển thoát nghèo, lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội kết hợp với đẩy mạnh hỗ trợ vốn để nông dân có nguồn lực đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đó cũng là yếu tố tạo nên sự biến đổi về văn hóa nói chung và văn hóa của người Tày ở miền đông Lạng Sơn nói riêng.

Ba là, tác động của yếu tố kỹ thuật mới - kỹ thuật công nghiệp hiện đại

Hiện nay, yếu tố kỹ thuật mới - kỹ thuật công nghiệp hiện đại được ứng dụng vào sản xuất để tìm ra lương thực, thực phẩm và các thứ hàng tiêu dùng khác. Đây là sự lựa chọn, tiếp nhận nhân tố văn hóa mới của đồng bào các dân tộc theo tập quán cùng khiếu thẩm mỹ của họ.

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật là một trong những động lực chính của sự phát triển, việc ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống đã làm thay đổi tập quán canh tác cũng như các loại công cụ lao động mới. Điều này làm thay đổi tập quán sinh hoạt thường nhật, cách làm nhà ở, đặc biệt là thay đổi về tập quán tín ngưỡng, lễ hội. Quan trọng hơn, chính người đồng bào cũng tự nhận thấy các tiến bộ này đã làm cho đời sống của họ ngày càng ổn định, nên đã tự giác tiếp nhận và nhân rộng ở cộng đồng. Sự thay đổi này theo hướng ngày càng hiện đại hóa, lược bỏ bớt những hủ tục lạc hậu, lễ nghi rườm rà.

Bốn là, tác động của sự tăng cường giao lưu, tiếp biến giữa các nền văn hóa

Giao lưu, tiếp biến văn hóa là một sự tất yếu trong quá trình tiếp xúc giữa các nền văn hóa. Những yếu tố văn hóa nào mạnh mẽ, thể hiện trình độ phát triển cao về kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ thì trong quá trình tiếp xúc, nó luôn chiếm lĩnh được vị trí quan trọng. Theo đó, tác động của giao lưu, tiếp biến văn hóa làm thay đổi không chỉ diện mạo của đời sống kinh tế mà là đời sống văn hóa. Chính vì thế, các giá trị văn hóa Tày ở miền đông Lạng Sơn tồn tại đã hàng nghìn năm, đang có sự biến đổi với tốc độ ngày càng nhanh chóng hơn, trong đó chủ yếu là sự giao lưu, giao thoa văn hóa với các tộc người, đa số là người Kinh.

Với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự bùng nổ thông tin và môi trường giao lưu văn hóa giữa các vùng, miền ngày càng được mở rộng, đã mang lại cho văn hóa truyền thống của người Tày ở miền đông Lạng Sơn nhiều mặt tích cực, song cũng gây ra những tiêu cực, đặt nền văn hóa truyền thống của người Tày ở đây trước những thách thức, nguy cơ bị mai một rất lớn.

3.2.2. Yếu tố chủ quan

Một là, sự thay đổi nhận thức của người Tày ở miền đông Lạng Sơn trong bối cảnh, tình hình kinh tế, xã hội mới

Quá trình hội nhập, mở cửa sâu rộng tạo ra những cơ hội đa dạng cho đồng bào Tày ở miền đông Lạng Sơn có sự tiếp xúc với các nền văn hóa nước ngoài. Lạng Sơn là tỉnh có sự phát triển về công nghiệp hóa, sự đầu tư của các công ty nước ngoài diễn ra từ nhiều năm qua. Đồng thời, Lạng Sơn là địa bàn có đường biên giới dài. Cơ hội đó đã tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh có sự tiếp xúc, giao lưu với các nền văn hóa khác nhau, đó chính là yếu tố căn bản của sự tự điều chỉnh các yếu tố văn hóa trong quá trình hội nhập.

Quá trình ảnh hưởng, tác động của các yếu tố bên ngoài hiện nay đã làm cho các giá trị văn hóa có sự biến đổi so với cái cũ. Trong điều kiện đổi mới đất nước, sự thông thương làm ăn phát triển kinh tế đã tạo ra những con người nhanh nhẹn, năng động, hiểu biết. Cuộc sống nơi đô thị, giao lưu với bên ngoài đã làm cho họ dần xa rời truyền thống bản làng, không muốn tìm hiểu, thực hành thường xuyên các yếu tố truyền thống.

Hai là, sự chấp nhận những giá trị văn hóa mới trong đời sống cộng đồng

Đổi mới trong hoạt động sản xuất, đời sống vật chất là một trong các xu hướng chính trong đời sống của người Tày ở miền đông Lạng Sơn. Việc cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp tuy chưa phổ biến nhưng ngày càng gia tăng, cụ thể, việc sử dụng các máy móc nông nghiệp ngày càng nhiều như máy cày/bừa, máy xay sát lúa gạo, máy tuốt lúa, máy bơm nước, máy gặt... Sự thay đổi về tập quán và công cụ sản xuất cũng kéo theo sự thay đổi về lối sống của người Tày ở miền đông Lạng Sơn, biểu hiện rất rõ trong văn hóa ẩm thực, trang phục và nhà ở. Những đồ

dùng hằng ngày được sản xuất bằng kỹ thuật công nghiệp như kim chỉ, máy khâu, quần áo may sẵn... đến các đồ ăn thức uống như mì chính, mì ăn liền, các loại nước ngọt... Các đồ dùng gia đình được sản xuất bằng kỹ thuật công nghiệp như điện thắp sáng, phích nước, ti vi, tủ lạnh, bếp điện, máy bơm, xe máy, quạt điện.

4. Kết luận

Hiện nay, sự biến đổi văn hóa vật thể của người Tày ở miền đông Lạng Sơn chủ yếu chịu sự tác động của các nhân tố như: sự thay đổi môi trường tự nhiên; chính sách kinh tế, xã hội của Đảng, Nhà nước. Cùng với đó, toàn cầu hóa, mở cửa, hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nền kinh tế thị trường cũng có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến văn hóa người Tày ở miền đông Lạng Sơn.

Trải qua quá trình phát triển lâu dài, người Tày ở miền đông Lạng Sơn đã tạo dựng cho mình một nền văn hóa phong phú cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhưng hiện nay, nhiều giá trị văn hóa đó đang có sự biến đổi sâu sắc trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

Văn hóa, truyền thống dân tộc Tày ở miền đông Lạng Sơn luôn vận động, biến đổi, phát triển. Trong tổng thể di sản văn hóa truyền thống của các tộc người ở Việt Nam, văn hóa Tày ở miền đông Lạng Sơn vừa có những giá trị, vừa có những phần giá trị, hủ tục lạc hậu tác động hai chiều đến bảo tồn, phát triển văn hóa. Nâng cao tính toàn diện, đồng bộ văn hóa tinh thần của người Tày là nội dung quan trọng trực tiếp của bảo tồn, phát triển văn hóa tộc người thiểu số nói riêng, nền văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. D. Be, *Ethnic minorities in socio-economic development in mountainous areas*. National Culture Publishing House, Hanoi, 1996.
- [2] T. U. Dam, "Healing beliefs of the Tay people," *Ethnic and Times Magazine*, vol. 131-132, pp. 5-7, 2009.
- [3] T. U. Dam, "Beliefs related to agriculture of the Tay people in Cao Bang," *Ethnology Magazine*, no. 167, pp. 48-55, 2010.
- [4] T. U. Dam, "Beliefs related to sex of the Tay people in Cao Bang," *Central Vietnamese Review of Social Sciences*, no. 18, pp. 66-70, 2011.
- [5] T. Y. Nguyen, "The change of sorcerers of the Tay and the Nung people in Vietnam," *Journal of Religious Studies*, vol. 2, no. 128, pp. 92-107, 2014.
- [6] T. Y. Nguyen, "Exchange the influence of the three religions into the forms of worship of the Tay-Nung people," *Folk culture Magazine*, vol. 5, pp. 36-46, 2007.
- [7] T. V. Lai, "The ceremony of granting identity to the Tay teacher Tao in Dak Lak," *Tay Nguyen Journal of Social Sciences*, no. 3, pp. 36-47, 2022.
- [8] D. H. Hua, "Lineages relations through funeral rites of the Tay in Tuyen Quang," *Science Journal of Tan Trao University*, vol. 16, no. 16, pp. 24-30, June 2020.
- [9] T. A. Ta, "Kinh-Ization factors in the lineage relationship of Tay ethnic in Quang Lang commune, Chi Lang district, Lang Son province," *Science Journal – Hanoi Capital University*, vol. 48, pp. 5-14, 2021.
- [10] T. H. Luong, "Interference cultural between tribes Tay's, Nung's, Kinh's in Bac Kan province," *TNU Journal of Sciences and Technology*, vol. 61, no. 12/2, pp. 41-45, 2009.
- [11] T. T. B. Nguyen, "Review of research on changes of Tay ethnic group from 1980 to present," *Ethnology Magazine*, no. 5, pp. 48-58, 2013.
- [12] T. T. Nguyen, "Changes in the material culture of the Tay people in Dinh Hoa district, Thai Nguyen province today," *Art and Culture Magazine*, no. 430, pp. 33-36, April 2020.
- [13] Lang Son Statistical Office, *Lang Son Statistical Yearbook 2020*, Statistical Publishing House, Hanoi, 2021.
- [14] Congress, *Decision No. 28/2001/QH10 dated June 29, 2001 on the Law on Cultural Heritage*, 2001.
- [15] Congress, *Decision No. 65/2014/QH13 dated November 25, 2014 on Housing Law*, 2014.
- [16] Q. Hoang, K. B. Ma, H. P. Hoang, V. L. Cung, and T. Vuong, *Traditional culture of Tay and Nung*. National Culture Publishing House, Hanoi, 1993.
- [17] D. T. Ha (Ed), *Tay - Nung folk culture in Vietnam*. Hanoi National University Publishing House, Hanoi, 2010.
- [18] Institute of Linguistics, *Vietnamese Dictionary*. Dictionary Center, Da Nang Publishing House, 2003.
- [19] T. Y. Nguyen, *Tay Nung folk beliefs*. Social Science Publishing House, Hanoi, 2009.